

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH THÀNH THÀNH CÔNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014
(đã được kiểm toán)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	06 - 33
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	06 - 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	11 - 33

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công (TTC Tourist) được thành lập trên cơ sở đổi tên Công ty Cổ Phần Du lịch Golf Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 27 tháng 12 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Công ty Cổ phần Du lịch Golf Việt Nam, tên giao dịch quốc tế Viet Nam Golf Joint Stock Company, là doanh nghiệp được chuyển đổi từ Chi nhánh Công ty Xây dựng và Phát triển Đô thị Bà Rịa - Vũng Tàu theo Quyết định số 5336/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần 3500753423, đăng ký lần đầu ngày 11 tháng 07 năm 2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 09 ngày 10 tháng 07 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại Số 62 Trần Huy Liệu, Phường 12, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà: Nguyễn Thị Hương Giang	Chủ tịch	(Bổ nhiệm ngày 23 tháng 06 năm 2014)
Ông: Nguyễn Trọng Nghĩa	Ủy viên	(Bổ nhiệm ngày 23 tháng 06 năm 2014)
Ông: Nguyễn Phong Phú	Ủy viên	(Bổ nhiệm ngày 23 tháng 06 năm 2014)
Ông: Lương Võ Hùng	Ủy viên	(Bổ nhiệm ngày 23 tháng 06 năm 2014)
Ông: Hồ Kiên Cường	Ủy viên	(Bổ nhiệm ngày 23 tháng 06 năm 2014)
Ông: Trịnh Hàng	Chủ tịch	(Từ nhiệm ngày 23 tháng 06 năm 2014)
Ông: Phạm Quang Thanh	Ủy viên	(Từ nhiệm ngày 23 tháng 06 năm 2014)
Ông: Võ Thành Tài	Ủy viên	(Từ nhiệm ngày 23 tháng 06 năm 2014)
Ông: Võ Anh Linh	Ủy viên	(Từ nhiệm ngày 23 tháng 06 năm 2014)

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông: Hồ Kiên Cường	Tổng Giám đốc	(Tái bổ nhiệm ngày 08 tháng 07 năm 2014)
Ông: Nguyễn Phong Phú	Phó Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 18 tháng 04 năm 2014)
Ông: Lương Võ Hùng	Phó Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm từ ngày 11/07/2014 Miễn nhiệm từ ngày 01/11/2014)
Ông: Trần Vĩnh Lộc	Phó Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 31 tháng 08 năm 2014)

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà: Nguyễn Thùy Vân	Trưởng ban	(Bổ nhiệm ngày 23 tháng 06 năm 2014)
Ông: Phạm Trung Kiên	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 23 tháng 06 năm 2014)
Bà: Lại Thị Tuyết	Thành viên	
Ông: Trần Thái Hòa	Trưởng ban	(Từ nhiệm ngày 23 tháng 06 năm 2014)
Ông: Nguyễn Minh Hải	Thành viên	(Từ nhiệm ngày 23 tháng 06 năm 2014)

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC, ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Hồ Kiên Cường

Tổng Giám đốc

Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2015

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công được lập ngày 26 tháng 03 năm 2015, từ trang 06 đến trang 34, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu theo Báo cáo tài chính của Công ty liên kết chưa được kiểm toán (xem thông tin tại thuyết minh số 11). Chúng tôi chưa đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đối với Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công tại ngày 31/12/2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Không nhằm phủ nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi xin lưu ý người đọc Báo cáo tài chính về vấn đề được nêu tại Thuyết minh số 10. Do khó khăn về vốn làm ảnh hưởng đến tiến độ triển khai xây dựng dự án Khách sạn Golf 1 mới, các khoản chi phí liên quan đến đầu tư xây dựng khách sạn Golf 1 mới phát sinh từ năm 2008 gồm chi phí thanh lý hợp đồng thuê đất trước hạn, chi phí khấu hao quyền sử dụng đất có thời hạn, chi phí lãi vay và các chi phí khác được tập hợp trên khoản mục Chi phí Đầu tư xây dựng cơ bản dở dang có tổng số tiền là 25.534.093.368 đồng.



Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Cát Thị Hà

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

số: 0725-2013-002-1

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2015

Nguyễn Thị Minh Hạnh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

số: 0904-2013-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		20.036.598.755	10.976.762.745
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	4.812.514.731	942.465.909
111	1. Tiền		4.812.514.731	942.465.909
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		11.500.075.065	4.754.185.140
131	1. Phải thu khách hàng		3.010.567.881	3.079.988.860
132	2. Trả trước cho người bán		1.663.443.231	413.803.000
135	5. Các khoản phải thu khác	04	7.546.964.449	1.906.279.875
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(720.900.496)	(645.886.595)
140	IV. Hàng tồn kho	05	2.004.638.998	2.219.883.616
141	1. Hàng tồn kho		2.004.638.998	2.219.883.616
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.719.369.961	3.060.228.080
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		465.317.277	43.891.200
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		307.378.533	159.582.117
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	06	476.143.395	-
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	07	470.530.756	2.856.754.763
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		174.003.874.705	176.889.424.020
220	II. Tài sản cố định		127.768.044.436	132.004.467.537
221	1. Tài sản cố định hữu hình	08	44.129.103.186	46.830.074.231
222	- Nguyên giá		87.045.996.238	88.170.416.217
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(42.916.893.052)	(41.340.341.986)
227	3. Tài sản cố định vô hình	09	58.058.324.366	59.593.776.422
228	- Nguyên giá		65.887.626.817	65.887.626.817
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(7.829.302.451)	(6.293.850.395)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	25.580.616.884	25.580.616.884
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	11	34.897.126.823	35.215.794.004
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		33.701.326.823	33.885.994.004
258	3. Đầu tư dài hạn khác		1.195.800.000	1.995.800.000
259	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		-	(666.000.000)
260	V. Tài sản dài hạn khác		11.338.703.446	9.669.162.479
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	7.503.316.646	9.586.739.679
268	3. Tài sản dài hạn khác	13	3.835.386.800	82.422.800
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		194.040.473.460	187.866.186.765

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

(Tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN		31/12/2014	01/01/2014
			VND	Đã điều chỉnh VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		54.531.280.161	47.942.688.080
310	I. Nợ ngắn hạn		42.349.348.131	35.524.902.382
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	14	27.900.000.000	23.574.950.000
312	2. Phải trả người bán		2.164.392.968	1.192.035.793
313	3. Người mua trả tiền trước		859.613.870	516.977.303
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	1.661.018.698	938.244.090
315	5. Phải trả người lao động		2.984.443	380.713.554
316	6. Chi phí phải trả	16	432.032.931	211.682.227
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	17	10.132.990.052	10.335.699.786
323	11. Quỹ khen thưởng phúc lợi		(803.684.831)	(1.625.400.371)
330	II. Nợ dài hạn		12.181.932.030	12.417.785.698
333	3. Phải trả dài hạn khác	18	1.268.882.598	1.280.382.598
334	4. Vay và nợ dài hạn	19	10.900.000.000	11.137.403.100
335	5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		13.049.432	-
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		139.509.193.299	139.923.498.685
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	139.509.193.299	139.923.498.685
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		130.000.000.000	130.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		910.000.000	910.000.000
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		5.743.534.499	5.743.534.499
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		976.121.239	1.337.059.509
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.879.537.561	1.932.904.677
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		194.040.473.460	187.866.186.765

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Chỉ tiêu	31/12/2014	01/01/2014
4. Nợ khó đòi đã xử lý	181.525.395	181.525.395
5. Ngoại tệ các loại		
- USD	13.222,77	6.563,98

Lập, ngày 28 tháng 03 năm 2015

Người lập biểu



Trần Văn An

Kế toán trưởng



Trần Văn An

Tổng Giám đốc




Hồ Kiên Cường

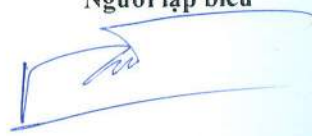
3-C
TY
M.H
KIEM
AA
N.KI

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2014

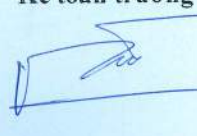
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	54.843.071.240	57.559.985.480
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22	498.683.166	681.760.089
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		54.344.388.074	56.878.225.391
11	4. Giá vốn hàng bán	23	35.593.007.489	34.613.273.509
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		18.751.380.585	22.264.951.882
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	4.018.784.926	4.457.873.566
22	7. Chi phí tài chính	25	5.466.425.424	9.084.893.612
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		4.134.958.844	6.068.007.365
24	8. Chi phí bán hàng		1.710.800.342	1.089.604.158
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	15.620.796.041	13.418.573.631
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(27.856.296)	3.129.754.047
31	11. Thu nhập khác	27	2.820.254.699	720.452.473
32	12. Chi phí khác	28	914.006.566	676.381.242
40	13. Lợi nhuận khác		1.906.248.133	44.071.231
45	14. Phần lãi (lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh		(184.667.181)	(1.737.305.919)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		1.693.724.656	1.436.519.359
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		1.272.693.744	975.170.763
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		13.049.432	-
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		407.981.480	* 461.348.596
61	18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số		-	-
62	18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ		407.981.480	461.348.596
70	19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	30	31	35

Người lập biểu



Trần Văn An

Kế toán trưởng



Trần Văn An

Lập, ngày 28 tháng 03 năm 2015

Tổng Giám đốc



Hồ Kiên Cường

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2014

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		60.971.985.122	62.741.599.370
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(53.275.657.717)	(29.837.148.707)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(12.581.557.304)	(11.184.565.913)
04	4. Tiền chi trả lãi vay		(4.136.743.501)	(6.226.000.589)
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(1.184.110.749)	(1.671.401.368)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		18.281.763.200	33.250.401.611
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(12.452.126.845)	(45.143.771.830)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(4.376.447.794)	1.929.112.574
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(122.160.000)	(961.437.398)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		4.977.000	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		141.146.250	6.375.000.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		4.135.048.729	4.481.046.410
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		4.159.011.979	9.894.609.012
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		46.200.000.000	29.847.353.100
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(42.112.353.100)	(41.715.846.858)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(3.793.024)	(551.070.959)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		4.083.853.876	(12.419.564.717)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		3.866.418.061	(595.843.131)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		942.465.909	1.532.396.594
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		3.630.761	5.912.446
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	03	4.812.514.731	942.465.909

Lập, ngày 28 tháng 03 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Trần Văn An

Trần Văn An

Hồ Kiên Cường

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2014

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công (TTC Tourist) được thành lập trên cơ sở đổi tên Công ty Cổ Phần Du lịch Golf Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 27 tháng 12 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Công ty Cổ phần Du lịch Golf Việt Nam, tên giao dịch quốc tế Viet Nam Golf Joint Stock Company, là doanh nghiệp được chuyển đổi từ Chi nhánh Công ty Xây dựng và Phát triển Đô thị Bà Rịa - Vũng Tàu theo Quyết định số 5336/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần 3500753423, đăng ký lần đầu ngày 11 tháng 07 năm 2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 09 ngày 10 tháng 07 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại Số 62 Trần Huy Liệu, Phường 12, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty là: 130.000.000.000 đồng; tương đương 13.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:	Trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính
Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch Golf Việt Nam tại Đà Lạt	Số 04, đường Nguyễn Thị Minh Khai, phường 1, Tp. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng	Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch khách sạn; kinh doanh dịch vụ ăn uống; kinh doanh lữ hành.
Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch Golf Việt Nam tại Cần Thơ	Số 02, đường Hai Bà Trưng, phường Tân An, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ	Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch khách sạn; kinh doanh dịch vụ ăn uống; kinh doanh lữ hành; kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng cho người nước ngoài.
Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch Golf Việt Nam tại Quảng Nam	Số 187, đường Lý Thường Kiệt, phường Cẩm Phô, Tp. Hội An, tỉnh Quảng Nam	Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch khách sạn; kinh doanh dịch vụ ăn uống; kinh doanh lữ hành.

Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2014 bao gồm:

Tên công ty	Trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH MTV Vinagolf Quảng Nam	Tỉnh Quảng Nam	100%	100%	Dịch vụ Khách sạn
Công ty TNHH Vinagolf Đà Lạt	Tỉnh Lâm Đồng	100%	100%	Dịch vụ Khách sạn

Công ty có các công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2014 bao

Công ty Cổ phần Du lịch Golf Vũng Tàu
 Công ty Cổ phần Du lịch Golf Sài Gòn
 Công ty Cổ phần TNHH Du lịch Vinagolf Angkor

Thông tin bổ sung về các công ty liên kết của Công ty: xem chi tiết tại Thuyết minh số 11.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Mua bán đồ uống có cồn (rượu, bia);
- Môi giới thương mại; đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa;
- Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch khách sạn;
- Kinh doanh dịch vụ ăn uống đầy đủ;
- Mua bán vật liệu xây dựng;
- Vận tải hành khách liên tỉnh; vận tải hành khách nội địa;
- Mua bán thuốc lá điều sản xuất trong nước;
- Dọn dẹp, tạo mặt bằng xây dựng (san lấp mặt bằng);
- Mua bán xe ô tô các loại;
- Tổ chức tour du lịch lữ hành; Dịch vụ đại lý tàu biển, đại lý vận tải tàu biển; Vận tải hành khách ven biển và viễn dương; Vận tải hành khách đường thủy nội địa;
- Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, thuế, kế toán);
- Thu gom rác thải không độc hại (chỉ được phép hoạt động khi đảm bảo đủ điều kiện theo quy định của pháp luật);
- Tư vấn giáo dục, tư vấn du học;
- Thu gom rác thải y tế (chỉ được phép hoạt động khi đảm bảo đủ điều kiện theo quy định của pháp luật);
- Xử lý và tiêu hủy rác thải y tế (địa điểm xử lý phải phù hợp với quy hoạch của ngành và chỉ được phép hoạt động khi đảm bảo đủ điều kiện theo quy định của pháp luật);
- Hoạt động dịch vụ phục vụ tang lễ;
- Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp;
- Kinh doanh bất động sản: đầu tư tạo lập nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua; Mua nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua; Thuê nhà, công trình xây dựng để cho thuê lại; Đầu tư cải tạo đất và đầu tư các công trình hạ tầng trên đất thuê để cho thuê đất đã có hạ tầng; Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, đầu tư công trình hạ tầng để chuyển nhượng, cho thuê; thuê quyền sử dụng đất đã có hạ tầng để cho thuê lại;
- Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại (địa điểm xử lý phải phù hợp với quy hoạch của ngành và chỉ được phép hoạt động khi đảm bảo đủ điều kiện theo quy định của pháp luật);
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động (chỉ được phép hoạt động khi được Sở Lao động - Thương binh và Xã hội cấp giấy phép hoạt động);
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác; Cho thuê xe ô tô, xe ủi, xe đào, xe lu, cầu, xe điện;
- Trồng hoa, cây cảnh; Bán buôn hoa, cây cảnh;
- Giáo dục mầm non. Chi tiết: nhà trẻ mầm non (chỉ được phép hoạt động khi được UBND cấp huyện cấp giấy phép);
- Đào tạo nhân viên phục vụ nhà hàng, khách sạn (chỉ được phép hoạt động khi được Sở Lao động - Thương binh và Xã hội cấp giấy phép hoạt động);
- Dịch thuật (tài liệu, sách báo); phiên dịch;
- Cho thuê mặt bằng, kho bãi; Tổ chức sự kiện;
- Đại lý thu đổi ngoại tệ (chỉ được phép hoạt động tại khách sạn golf Cần Thơ và khách sạn golf 3 Đà Lạt khi được Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký thu đổi ngoại tệ); Kinh doanh lữ hành nội địa, quốc tế; Kinh doanh vũ trường, phòng trà, massage, karaoke; Kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng cho người nước ngoài (chỉ được phép hoạt động tại khách sạn golf Cần Thơ); Cho thuê văn phòng; Dịch vụ bán vé máy bay, vé tàu thủy, ô tô; dịch vụ cắt tóc, làm đầu; Kinh doanh nhà; Đầu tư kinh doanh công trình đô thị; Tư vấn đầu tư; Xây dựng nhà ở; Xây dựng công trình công nghiệp, công cộng, hạ tầng kỹ thuật (đường cống cấp, thoát nước, vệ sinh môi trường, điện dân dụng, điện chiếu sáng); Đào tạo, xuất khẩu lao động (chỉ được hoạt động khi có giấy phép của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội).

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

- Trong năm 2014, Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Đô thị Bà Rịa - Vũng Tàu thực hiện thoái toàn bộ vốn cổ phần cho các cổ đông. Đến ngày 31/12/2014, cá nhân bà Tạ Thị Phương Trang và 2 pháp nhân là Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công, Công ty Cổ phần Du lịch Thắng Lợi cùng thuộc Tập đoàn Thành Thành Công đã mua lại tổng cộng 79,62% vốn cổ phần của Công ty và Công ty đã trở thành thành viên thuộc Tập đoàn Thành Thành Công.

- Công ty thực hiện đổi tên doanh nghiệp theo Quyết định số 165/CBTT-Golf ngày 29/12/2014, từ Công ty Cổ phần Du lịch Golf Việt Nam thành Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công. Đồng thời chuyển trụ sở chính từ Vũng Tàu về số 62 Trần Huy Liệu, Phường 12, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3. Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được lập cho cùng năm tài chính với báo cáo tài chính của Công ty; áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

2.4. Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.



07
ĐƠN
SỐ
HƯ
TH
N

2.5. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.6. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá ba (03) tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.8. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp xác định giá trị dịch vụ dở dang: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng dịch vụ chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.9. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	08 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 08 năm
- Phương tiện vận tải	08 năm
- Tài sản dùng cho Quản lý	03 - 10 năm
- Quyền sử dụng đất	39 - 50 năm

2.10. Các khoản đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Kỳ phiếu, tín phiếu kho bạc, tiền gửi ngân hàng có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là “tương đương tiền”;
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán: nếu chứng khoán đã được niêm yết thì giá trị thị trường được tính theo giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) hoặc giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE); nếu chứng khoán chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán thì giá trị thị trường được xác định theo giá giao dịch bình quân trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) tại ngày lập dự phòng hoặc giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng. Trường hợp không thể xác định được giá thị trường của chứng khoán thì Công ty không trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán. Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi thì giá trị thị trường là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.

- Đối với các khoản đầu tư dài hạn vào tổ chức kinh tế khác: mức trích lập dự phòng được xác định dựa vào báo cáo tài chính của tổ chức kinh tế khác.

2.11. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

2.12. Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

QUY
CỔ C
RACH NI
HANG UHA
A O A
DANK

TY C
AN
COP
HINH

2.13. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

2.14. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.15. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ (tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ phải thu, nợ phải trả không bao gồm các khoản Người mua ứng trước và Ứng trước cho người bán, Doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.16. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phân công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

105 - C
GTY
EM HUU HA
IEM TOA
ASC
M - TP

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.17. Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.18. Các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế năm.

2.19. Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền mặt	176.451.866	93.520.561
Tiền gửi ngân hàng (*)	4.636.062.865	848.945.348
	4.812.514.731	942.465.909

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, tiền gửi ngân hàng của Công ty đang theo dõi trên sổ kế toán bao gồm các khoản tiền gửi không kỳ hạn có tổng số dư là: 4.136.062.865 đồng và 500.000.000 đồng tiền ký quỹ kinh doanh lãi hành quốc tế tại Ngân hàng BIDV Chi nhánh Bến Thành theo quy định tại TT34/2014/TT-NHNN.

4. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Phải thu liên quan đến các hợp đồng hợp tác kinh doanh	769.430.134	898.442.417
- DNTN Thương mại và Dịch vụ Thủy Lộc	61.644.362	31.405.250
- Công ty Cổ phần Việt Hải Đăng Cần Thơ	707.785.772	867.037.167

Phải thu tạm ứng CBCNV đã nghỉ việc	488.568.031	-
Phải thu Công ty CP TNHH Du lịch VinaGolf Angkor (*)	5.354.592.230	-
Phải thu tiền giá bán vé máy bay đã giao cho khách hàng	454.142.998	-
Phải thu khác	480.231.056	1.007.837.458
	7.546.964.449	1.906.279.875

(*) Khoản phải thu liên quan đến số tiền đã ứng cho Công ty Cổ phần TNHH Du lịch Vinagolf Angkor duy trì hoạt động kinh doanh trong năm 2013 và năm 2014.

5. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	287.723.273	322.293.797
Công cụ, dụng cụ	9.206.403	378.150.158
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	233.124.507	-
Hàng hóa	179.898.804	224.753.650
Hàng hóa bất động sản	1.294.686.011	1.294.686.011
	2.004.638.998	2.219.883.616

- Giá trị ghi sổ của hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo các khoản vay là: 1.294.686.011 VND

6. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

Thuế và các khoản phải thu nhà nước cuối năm là thuế thu nhập Doanh nghiệp được miễn giảm 50% từ năm 2009-2011, Công ty đã nộp đủ số thuế các năm trước mà chưa thực hiện miễn giảm, số dư tại thời điểm 31/12/2014 là: 476.143.395 đồng.

7. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tạm ứng	465.640.756	2.851.864.763
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	4.890.000	4.890.000
	470.530.756	2.856.754.763

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	TSCĐ dùng trong quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	79.491.430.420	4.094.205.244	3.150.066.044	1.434.714.509	88.170.416.217
Số tăng trong năm	-	-	-	268.328.745	268.328.745
- Mua trong năm	-	-	-	238.169.600	238.169.600
- Phân loại lại	-	-	-	30.159.145	30.159.145
Số giảm trong năm	(180.456.317)	(1.181.019.680)	-	(31.272.727)	(1.392.748.724)
- Thanh lý, nhượng bán	(180.456.317)	(1.150.860.535)	-	(31.272.727)	(1.362.589.579)
- Phân loại lại	-	(30.159.145)	-	-	(30.159.145)
Số dư cuối năm	79.310.974.103	2.913.185.564	3.150.066.044	1.671.770.527	87.045.996.238

Giá trị hao mòn lũy kế

Số dư đầu năm	34.992.469.564	3.578.219.164	1.410.914.877	1.358.738.381	41.340.341.986
Số tăng trong năm	2.328.800.626	183.056.935	393.758.612	58.028.719	2.963.644.892
- Khấu hao trong năm	2.328.800.626	183.056.935	393.758.612	33.524.472	2.939.140.645
- Phân loại lại	-	-	-	24.504.247	24.504.247
Số giảm trong năm	(180.456.317)	(1.175.364.782)	-	(31.272.727)	(1.387.093.826)
- Thanh lý, nhượng bán	(180.456.317)	(1.150.860.535)	-	(31.272.727)	(1.362.589.579)
- Phân loại lại	-	(24.504.247)	-	-	(24.504.247)
Số dư cuối năm	37.140.813.873	2.585.911.317	1.804.673.489	1.385.494.373	42.916.893.052

Giá trị còn lại

Tại ngày đầu năm	44.498.960.856	515.986.080	1.739.151.167	75.976.128	46.830.074.231
Tại ngày cuối năm	42.170.160.230	327.274.247	1.345.392.555	286.276.154	44.129.103.186

Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 3.692.297.702 VND

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất có thời hạn tại Chi nhánh Cần Thơ và Chi nhánh Đà Lạt, đã được Sở Tài nguyên và Môi trường của Tỉnh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trong đó, đất tại Chi nhánh Cần Thơ có thời hạn sử dụng 40 năm, đất tại Chi nhánh Đà Lạt có thời hạn sử dụng 50 năm.

Tại thời điểm 31/12/2014, tổng nguyên giá của 2 lô đất này là: 65.887.626.817 đồng, giá trị hao mòn lũy kế là: 7.829.302.451 đồng, trong đó giá trị khấu hao trong năm 2014 là: 1.535.452.056 đồng.

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình đã dùng để đảm bảo các khoản vay: 58.058.324.366 đồng.

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	25.580.616.884	25.580.616.884
- Dự án đầu tư khách sạn Golf 1 mới (*)	25.534.093.368	25.534.093.368
Trong đó:		
+ Chi phí lãi vay từ khoản vay ngân hàng để trả tiền thuê đất trong 50 năm	11.988.296.157	11.988.296.157
+ Chi phí khấu hao tài sản cố định là quyền sử dụng đất	3.036.960.000	3.036.960.000
+ Chi phí thanh lý hợp đồng thuê đất trước hạn	5.999.000.000	5.999.000.000
+ Chi phí khác	4.509.837.211	4.509.837.211
- Dự án Bến Đầm Côn Đảo	46.523.516	46.523.516
	25.580.616.884	25.580.616.884

(*) Thông tin bổ sung về dự án Khách sạn Golf 1: Dự án Khách sạn Golf 1 (mới) tiêu chuẩn 4 sao dự kiến đầu tư xây dựng tại khu đất ở vị trí Khách sạn Golf 1 (cũ) thuộc thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Công tác chuẩn bị đầu tư (thủ tục thuê đất, thiết kế,...) đã hoàn thành nhưng đến thời điểm hiện tại Dự án chưa tiếp tục được triển khai do khó khăn trong việc kêu gọi các nhà đầu tư tham gia góp vốn xây dựng. Các chi phí liên quan đến dự án tập hợp toàn bộ cho dự án bao gồm cả chi phí lãi vay trả tiền thuê đất một lần, chi phí bồi thường khi thanh lý hợp đồng thuê đất (cũ) trước hạn.

11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Đầu tư vào công ty liên kết	33.701.326.823	33.885.994.004
Công ty Cổ phần Du lịch Golf Vũng Tàu	11.292.025.064	11.352.914.415
Công ty Cổ phần Du lịch Golf Sài Gòn	316.041.883	316.041.883
Công ty Cổ phần TNHH Du lịch Vinagolf Angkor	22.093.259.876	22.217.037.706
Đầu tư dài hạn khác	1.195.800.000	1.995.800.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	-	(666.000.000)
	34.897.126.823	35.215.794.004

- Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Du lịch Golf Vũng Tàu và Công ty Cổ phần TNHH Du lịch Vinagolf Angkor được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu theo Báo cáo tài chính năm 2014 chưa được kiểm toán.
- Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Du lịch Golf Sài Gòn được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu theo Báo cáo tài chính năm 2013 chưa được kiểm toán.
- Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần TNHH Du lịch Vinagolf Angkor được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu theo Báo cáo tài chính năm 2014 được quy đổi từ USD sang đồng Việt Nam chưa được kiểm toán.

Đầu tư vào công ty liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2014 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Du lịch Golf Vũng Tàu	Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu	39,72%	40,00%	Kinh doanh dịch vụ khách sạn, lữ hành
Công ty Cổ phần Du lịch Golf Sài Gòn	Thành phố Hồ Chí Minh	24,09%	21,00%	Kinh doanh du lịch lữ hành
Công ty Cổ phần TNHH Du lịch Vinagolf Angkor (*)	Vương quốc Campuchia	49,00%	49,00%	Kinh doanh dịch vụ khách sạn

(*): Theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số Co.0602KH/2011 ngày 26/07/2012, và chấp thuận thay đổi vốn điều lệ ngày 24/06/2013 do Bộ Thương mại Vương quốc Campuchia cấp thì vốn điều lệ của Công ty Cổ phần TNHH Du lịch Vinagolf Angkor là 9.720.000.000 Riel tương đương 2.430.000 USD. Tỷ lệ sở hữu của Công ty Cổ phần Du lịch Golf Việt Nam trong Công ty Cổ phần TNHH Du lịch Vinagolf Angkor là 49% tương đương 4.762.800.000 Riel (1.190.700 USD). Tính đến hết thời điểm 31/12/2014, Công ty Cổ phần Du lịch Golf Việt Nam đã góp đủ vốn điều lệ.

Theo thông báo chấp nhận hồ sơ Đăng ký sửa đổi Điều lệ của Công ty Vinagolf Angkor Tourism Joint Stock Company Ltd số 4344 PN.CBP ngày 02/06/2014 thì Ông Phung Sorphorn là cổ đông mới thay thế Ông Trình Tự Kha, theo đó thành phần cổ đông mới của Công ty Vinagolf Angkor Tourism Joint Stock Company Ltd gồm: Ông Phung Sorphorn (quốc tịch Campuchia) có 51 phần trăm, Công ty Cổ phần Du lịch Golf Việt Nam giữ 49 phần trăm. Đồng thời bổ nhiệm Ông Phung Sorphorn là chủ tịch HĐQT kiêm TGD Công ty Vinagolf Angkor Tourism Joint Stock Company Ltd.

Ngày 24/7/2014, hợp đồng mua bán đất và nhà giữa Ông Trình Tự Kha và Công ty Cổ phần TNHH Du lịch VinaGolf Angkor đã được ký kết. Theo đó Ông Kha đồng ý chuyển nhượng lại toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản trên đất cho Công ty Cổ phần TNHH Du lịch VinaGolf Angkor. Do chưa hoàn tất các thủ tục pháp lý nên đến thời điểm 31/12/2014 việc chuyển quyền sở hữu từ tên cá nhân ông Trình Tự Kha sang tên công ty chưa được hoàn tất.

Đầu tư dài hạn khác

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa - Vũng Tàu (BTP) (*)	-	800.000.000
Công ty Cổ phần Tàu du lịch 5 sao	800.000.000	800.000.000
Công ty Cổ phần Giải trí Thể thao Minh Đạm	395.800.000	395.800.000
	1.195.800.000	1.995.800.000

Lí do thay đổi đối với từng khoản đầu tư khác:

(*) Cổ phiếu được niêm yết trên sàn chứng khoán và đã bán trong kỳ.

Thông tin tóm tắt về tình hình tài chính của các công ty liên kết:

Số liệu trên Bảng cân đối kế toán của công ty liên kết:

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
- Tài sản ngắn hạn	29.732.298.052	27.813.119.075
- Tài sản dài hạn	87.979.257.126	87.400.854.126
- Nợ ngắn hạn	(11.816.885.276)	(9.679.699.890)
- Nợ dài hạn	(29.844.400.000)	(29.633.413.200)
Giá trị tài sản thuần	76.050.269.902	75.900.860.111
Phần sở hữu trong tài sản thuần của các công ty liên kết	33.701.326.823	33.885.994.004

Số liệu trên Báo cáo kết quả kinh doanh của công ty liên kết:

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
- Tổng doanh thu	30.398.856.411	32.830.527.561
- Lợi nhuận sau thuế	(777.434.565)	(3.720.138.248)

Phần sở hữu trong kết quả kinh doanh của các công ty liên doanh, liên kết

- Tổng doanh thu	8.312.759.308	9.504.278.172
- Lợi nhuận sau thuế	(184.667.181)	(1.737.305.919)

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Số dư đầu năm	9.586.739.679	7.757.345.637
Số tăng trong năm	4.754.406.587	6.870.949.570
Số đã kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm	(6.837.829.620)	(5.041.555.528)
Số dư cuối năm	7.503.316.646	9.586.739.679

Trong đó chi tiết số dư cuối năm bao gồm:

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Giá trị còn lại của công cụ dụng cụ chờ phân bổ	2.475.599.559	2.920.318.383
Chi phí thuê đất khách sạn Golf 1 (theo hợp đồng cũ)	1.390.000.252	1.550.000.186
Tiền thuê đất Khách sạn Golf 3	399.999.744	479.999.808
Chi phí sửa chữa tài sản	3.237.717.091	4.636.421.302
	7.503.316.646	9.586.739.679

13. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền ký quỹ ABACUS HCM	3.000.000	-
Tiền ký quỹ CN Cần Thơ	-	50.000.000
Tiền ký quỹ thuê VPHCM	100.000.000	-
Tiền ký quỹ cung cấp dịch vụ mã code hàng không cho Công ty PNR	50.000.000	-
Tiền ký quỹ đại lý vé máy bay Jetstar Pacific	50.000.000	-
Tiền ký quỹ thuê khách sạn Indochine tại Hội An	3.600.000.000	-
Tiền ký quỹ khác	32.386.800	32.422.800
	3.835.386.800	82.422.800

14. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Vay ngắn hạn	26.000.000.000	22.166.450.000
Vay ngân hàng	500.000.000	12.366.450.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Đà Lạt ⁽¹⁾	500.000.000	12.366.450.000
Vay đối tượng khác	25.500.000.000	9.800.000.000
Công ty CP Du lịch Thung lũng tình yêu Đà Lạt ⁽²⁾	21.000.000.000	-
Đặng Nhân Dung ⁽³⁾	500.000.000	-
Tạ Thị Phương Trang ⁽⁴⁾	4.000.000.000	-
Võ Thu Hương	-	1.000.000.000
Nguyễn Thị Thảo	-	2.800.000.000
Nguyễn Châu Huyền Trân	-	500.000.000
Nguyễn Tuấn Thanh	-	1.000.000.000
Vũ Thị Hương	-	2.000.000.000
Võ Thành Tài	-	2.000.000.000
Vũ Thị Phương Thảo	-	500.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	1.900.000.000	1.408.500.000
(chi tiết xem thuyết minh 19)		
	27.900.000.000	23.574.950.000

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

(1) Hợp đồng tín dụng số 0438A/TDA/14LD ngày 12/09/2014 vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Đà Lạt bao gồm các điều khoản chi tiết sau:

+ Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động hoạt động kinh doanh dịch vụ nhà hàng, khách sạn, du lịch lữ hành.

+ Thời hạn vay: 12 tháng;

+ Lãi suất cho vay: Được xác định cụ thể trên từng Khế ước nhận nợ tại thời điểm giải ngân;

+ Phương thức bảo đảm: Đảm bảo bằng tài sản thế chấp của bên vay là:

* Quyền sử dụng đất tại thửa đất số: 28, tờ bản đồ số: C70-II-A, địa chỉ: Phường 02 - Thành phố Đà Lạt theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số phát hành: AN 742720 do Sở Tài nguyên và Môi trường - Tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 06/10/2008;

* Bất động sản tại khu quy hoạch Trại Cá đường Hàn thuyên- Phường 05 TP Đà Lạt (thửa đất số 557, tờ bản đồ 18) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở, và tài sản khác gắn liền với đất số BA010756 do Sở Tài nguyên Môi trường Lâm Đồng cấp ngày 26/08/2010;

* Tài sản gắn liền với đất thuê là toàn bộ công trình khách sạn Golf 3, tọa lạc tại số 04 Nguyễn Thị Minh Khai- phường 1-TP Đà Lạt theo hợp đồng 183/HĐ/NĐ ngày 03/12/1992 và phụ lục hợp đồng 72/PLHĐ/KDN ngày 19/09/1994 về việc cho thuê nhà số 04 Nguyễn Thị Minh Khai tại TP Đà Lạt.

+ Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2014 là 500.000.000 đồng.

(2) Khoản vay với Công ty CP Du lịch Thung lũng tình yêu Đà Lạt bao gồm 02 hợp đồng:

- Hợp đồng vay vốn số 01/2014/HĐVT ngày 08/07/2014 bao gồm các điều khoản chi tiết sau:

+ Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động;

+ Thời hạn vay: 12 tháng;

+ Lãi suất cho vay: 10%/năm;

+ Phương thức bảo đảm: Tín chấp;

+ Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2014 là 4.000.000.000 đồng.

- Hợp đồng vay vốn số 02/2014/HĐVT ngày 31/07/2014 bao gồm các điều khoản chi tiết sau:

+ Mục đích vay: Không quy định;

+ Thời hạn vay: 06 tháng;

+ Lãi suất cho vay: 10%/năm;

+ Phương thức bảo đảm: Tín chấp;

+ Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2014 là 17.000.000.000 đồng.

(3) Hợp đồng tín dụng ngày 26/12/2014 bao gồm các điều khoản chi tiết sau:

+ Mục đích vay: Không quy định;

+ Thời hạn vay: 03 tháng;

+ Lãi suất cho vay: 10%/năm;

+ Phương thức bảo đảm: Tín chấp;

+ Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2014 là 500.000.000 đồng.

(4) Hợp đồng tín dụng số 36A/HĐVV-GOLF ngày 26/12/2014 bao gồm các điều khoản chi tiết sau:

+ Mục đích vay: Bổ sung nguồn vốn đầu tư;

+ Thời hạn vay: 06 tháng;

+ Lãi suất cho vay: 10%/năm;

+ Phương thức bảo đảm: Tín chấp;

+ Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2014 là 4.000.000.000 đồng.

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2014	01/01/2014 (Đã điều chỉnh)
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	336.438.245	204.133.857
Thuế tiêu thụ đặc biệt	43.445.034	26.052.573
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.217.847.994	653.121.604
Thuế thu nhập cá nhân	63.287.425	54.936.056
	1.661.018.698	938.244.090

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả	198.208.333	199.992.990
Trích trước chi phí tổ chức tour du lịch theo hợp đồng	233.124.596	-
Chi phí phải trả khác	700.002	11.689.237
	432.032.931	211.682.227

17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tài sản thừa chờ xử lý	9.194.660	7.414.699
Kinh phí công đoàn	27.521.137	77.145.340
Bảo hiểm xã hội	78.065.698	40.087.530
Bảo hiểm y tế	8.541.450	8.655.750
Bảo hiểm thất nghiệp	19.155.414	11.865.778
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	3.000.000	-
Các khoản phải trả phải nộp khác	9.987.511.693	10.190.530.689
<i>Cổ tức phải trả</i>	<i>8.132.524.541</i>	<i>8.136.514.541</i>
<i>Phải trả về quỹ phục vụ</i>	<i>1.582.813.101</i>	<i>1.682.981.173</i>
<i>Phải trả khác</i>	<i>272.174.051</i>	<i>371.034.975</i>
	10.132.990.052	10.335.699.786

18. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền ký quỹ Công ty Tiến Hoàng	100.000.000	100.000.000
Tiền ký quỹ Việt Hải Đăng Cần Thơ	758.400.000	758.400.000
Tiền ký quỹ Dancing Cần Thơ	20.000.000	20.000.000
Tiền ký quỹ KOK Cần Thơ	60.000.000	60.000.000
Tiền ký quỹ Massage Cần Thơ	-	25.000.000
Tiền ký quỹ Công ty Nhật Hà	60.000.000	-
Tiền ký quỹ khác	105.578.000	149.078.000
Phải trả khác	164.904.598	167.904.598
	1.268.882.598	1.280.382.598

19. VAY DÀI HẠN VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Vay dài hạn	10.900.000.000	11.137.403.100
Vay ngân hàng	10.900.000.000	11.137.403.100
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Đà Lạt ⁽¹⁾	10.900.000.000	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - CN Bà Rịa Vũng Tàu	-	11.137.403.100
	10.900.000.000	11.137.403.100

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

(1) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Đà Lạt bao gồm 2 hợp đồng:

- Hợp đồng tín dụng số 0080/TDA/14CD ngày 24/02/2014 với các điều khoản chi tiết sau:

+ Số tiền vay: 10.000.000.000 đồng;

+ Mục đích vay: Sửa chữa và nâng cấp các khách sạn Golf 1 và Golf 3 tại Thành phố Đà Lạt.

+ Thời hạn cho vay: 60 tháng kể từ ngày bên giải ngân đầu tiên;

+ Lãi suất cho vay: Thả nổi có điều chỉnh;

+ Hình thức đảm bảo tiền vay: Đảm bảo bằng tài sản thế chấp của bên vay là:

* Quyền sử dụng đất tại thửa đất số: 28, tờ bản đồ số: C70-II-A, địa chỉ: Phường 02 - Thành phố Đà Lạt theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số phát hành: AN 742720 do Sở Tài nguyên và Môi trường - Tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 06/10/2008.

+ Số dư nợ gốc của Hợp đồng tín dụng tại thời điểm 31/12/2014 là 9.800.000.000 đồng, trong đó số nợ gốc phải trả trong kỳ tới là 1.600.000.000 đồng;

- Hợp đồng tín dụng số 0233/TDA/14CD ngày 19/05/2014 với các điều khoản chi tiết sau:

+ Số tiền vay: 3.000.000.000 đồng;

+ Mục đích vay: Cải tạo, sửa chữa khách sạn Golf 3 tại Thành phố Đà Lạt.

+ Thời hạn cho vay: 60 tháng kể từ ngày bên giải ngân đầu tiên;

+ Lãi suất cho vay: Thả nổi có điều chỉnh;

+ Hình thức đảm bảo tiền vay: Đảm bảo bằng tài sản thế chấp của bên vay là:

* Quyền sử dụng đất tại thửa đất số: 28, tờ bản đồ số: C70-II-A, địa chỉ: Phường 02 - Thành phố Đà Lạt theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số phát hành: AN 742720 do Sở Tài nguyên và Môi trường - Tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 06/10/2008.

+ Số dư nợ gốc của Hợp đồng tín dụng tại thời điểm 31/12/2014 là 3.000.000.000 đồng, trong đó số nợ gốc phải trả trong kỳ tới là 300.000.000 đồng.

20 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của CSH		Thặng dư vốn cổ phần		Chênh lệch tỷ giá hối đoái		Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ dự phòng tài chính		Lợi nhuận chưa phân phối (Đã điều chỉnh)		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Số dư đầu năm trước	130.000.000.000	910.000.000	2.778.491	5.743.534.499	1.280.346.403	2.814.657.341	140.751.316.734						
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	461.348.596	461.348.596						461.348.596
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	56.713.106	(1.134.262.116)	(1.077.549.010)						(1.077.549.010)
Giảm khác (**)	-	-	-	-	-	(208.839.144)	(208.839.144)						(208.839.144)
Số dư cuối năm trước	130.000.000.000	910.000.000	-	5.743.534.499	1.337.059.509	1.932.904.677	139.923.498.685						
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	407.981.480	407.981.480						407.981.480
Phân phối lợi nhuận (*)	-	-	-	-	-	(461.348.596)	(461.348.596)						(461.348.596)
Giảm khác (***)	-	-	-	-	(360.938.270)	-	(360.938.270)						(360.938.270)
Số dư cuối năm nay	130.000.000.000	910.000.000	-	5.743.534.499	976.121.239	1.879.537.561	139.509.193.299						

(*) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 02/NQ-DHDCD-GOLF ngày 13 tháng 03 năm 2014, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận như sau :

Tỷ lệ %	Số tiền VND
100%	461.348.596
	461.348.596

Kết quả kinh doanh sau thuế
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi

(**) Điều chỉnh hồi tố tăng số thuế TNDN phải nộp năm 2012, 2013 của Công ty VinaGolf Quảng Nam (chi tiết xem thuyết minh số 36)
(***) Giám quỹ dự phòng tài chính bù đắp tiền phạt chậm nộp thuế TTDB phát sinh năm 2007-2008 theo tờ trình được phê duyệt bởi Tổng Giám đốc Công ty.



b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm VND	Tỷ lệ %	Đầu năm VND	Tỷ lệ %
Công ty CP Đầu tư Thành Thành Công	51.051.000.000	39,27%	-	-
Công ty Cổ phần Du lịch Thăng Lợi	32.370.000.000	24,9%	-	-
Tạ Thị Phương Trang	20.085.000.000	15,45%	-	-
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Đô thị Bà Rịa - Vũng Tàu	-	-	66.300.000.000	51,%
Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bảo Việt	-	-	11.408.600.000	8,78%
Đối tượng khác	26.494.000.000	20,38%	52.291.400.000	40,22%
	130.000.000.000	100%	130.000.000.000	100%

Trong năm Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Đô thị Bà Rịa - Vũng Tàu thực hiện thoái toàn bộ vốn cổ phần cho các cổ đông. Đến ngày 31/12/2014, cá nhân bà Tạ Thị Phương Trang và 2 pháp nhân là Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công, Công ty Cổ phần Du lịch Thăng Lợi cùng thuộc Tập đoàn Thành Thành Công đã mua lại tổng cộng 79,62% vốn cổ phần của Công ty và Công ty đã trở thành thành viên thuộc Tập đoàn Thành Thành Công.

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	130.000.000.000	130.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	130.000.000.000	130.000.000.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2014	01/01/2014
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.000.000	13.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	13.000.000	13.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	13.000.000	13.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.000.000	13.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	13.000.000	13.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND):	10.000	10.000

e) Các quỹ của công ty

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
- Quỹ đầu tư phát triển	5.743.534.499	5.743.534.499
- Quỹ dự phòng tài chính	976.121.239	1.337.059.509

21. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	54.843.071.240	56.228.526.287
Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	-	1.331.459.193
	54.843.071.240	57.559.985.480

22. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Thuế tiêu thụ đặc biệt	498.683.166	681.760.089
	498.683.166	681.760.089

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	35.593.007.489	33.288.795.858
Giá vốn kinh doanh bất động sản đầu tư	-	1.324.477.651
	35.593.007.489	34.613.273.509

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	13.215.134	37.243.329
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	21.000.000
Lãi từ hoạt động hợp tác kinh doanh dịch vụ spa	108.000.000	144.000.000
Lợi nhuận được chia từ hoạt động hợp tác kinh doanh (chưa tính thuế TNDN phải nộp)	3.884.821.312	4.246.634.963
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	1.971.469	-
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	3.630.761	-
Lãi thanh lý các khoản đầu tư dài hạn	7.146.250	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	8.995.274
	4.018.784.926	4.457.873.566

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Lãi tiền vay	4.134.958.844	6.068.007.365
Chi phí hoạt động hợp tác kinh doanh khách sạn (*)	1.300.000.000	1.300.000.000
Lỗ thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	-	1.773.097.605
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	1.466.580	28.968
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn	-	(73.000.000)
Chi phí tài chính khác	30.000.000	16.759.674
	5.466.425.424	9.084.893.612

(*) Theo hợp đồng hợp tác đầu tư và kinh doanh khách sạn giữa Công ty Xây dựng và Cấp thoát nước Quảng Nam (Bên A) và Công ty CP Du lịch Golf Việt Nam (Bên B) - nay là Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công, Bên A có cơ sở mặt bằng kinh doanh khách sạn liên kết với bên B có chức năng kinh doanh nhà hàng - khách sạn. Bên B bỏ vốn đầu tư, tiếp nhận quyền sử dụng toàn bộ tài sản của bên A tại 187 Lý Thường Kiệt, TP Hội An, tỉnh Quảng Nam để kinh doanh khách sạn với thương hiệu Khách sạn Golf Hội An trong thời hạn 10 năm (từ 1/3/2010 đến 28/02/2020). Bên B nộp lợi nhuận khoán gọn cho bên A là 1,3 tỷ đồng/năm (5 năm đầu) và 1,4 tỷ đồng/năm (5 năm tiếp theo). Khoản lợi nhuận khoán gọn bên B nộp cho bên A được ghi nhận là một khoản chi phí tài chính trong kỳ trên báo cáo tài chính của Công ty TNHH MTV Vinagolf Quảng Nam (là công ty con của bên B).

26. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	243.128.133	170.887.462
Chi phí nhân công	7.276.634.199	6.113.055.093
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.162.870.156	895.556.070
Thuế, phí, lệ phí	201.729.117	-
Chi phí dự phòng	75.013.901	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.392.339.435	722.677.661
Chi phí khác bằng tiền	5.269.081.100	5.516.397.345
	15.620.796.041	13.418.573.631

27. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Thu nhập từ thanh lý tài sản	4.524.545	-
Thu từ phạt do vi phạm hợp đồng	2.468.181.818	34.360.000
Xử lý các khoản công nợ không phải trả	-	341.597.116
Thu tiền điện, nước cho thuê mặt bằng	295.803.819	69.702.058
Thu nhập khác	51.744.517	274.793.299
	2.820.254.699	720.452.473

28. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí tiền điện, nước bán cho các đơn vị hợp tác kinh doanh	296.584.721	39.605.085
Chi phí phạt vi phạm về thuế	204.107.666	193.515.293
Xử lý nợ phải thu khó đòi	-	181.525.395
Chi phí đầu tư và CCDC	411.473.128	-
Chi phí khác	1.841.051	261.735.469
	914.006.566	676.381.242

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tại Công ty mẹ	(323.646.364)	111.528.714
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tại các Công ty con	1.596.340.108	863.642.049
	1.272.693.744	975.170.763

30. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	407.981.480	461.348.596
Các khoản điều chỉnh:	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	407.981.480	461.348.596
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	13.000.000	13.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	31	35

31. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	11.962.696.672	11.427.702.572
Chi phí nhân công	16.915.392.863	15.334.671.489
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.474.592.701	4.174.696.810
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.383.327.377	6.140.518.806
Chi phí khác bằng tiền	7.759.721.810	12.043.861.621
	51.495.731.423	49.121.451.298

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của công ty

	Giá trị ghi sổ kế toán			
	31/12/2014		01/01/2014	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.812.514.731	-	942.465.909	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	10.557.532.330	(720.900.496)	4.986.268.735	(645.886.595)
Đầu tư dài hạn	1.195.800.000	-	1.995.800.000	(666.000.000)
Cộng	16.565.847.061	(720.900.496)	7.924.534.644	(1.311.886.595)

	Giá trị ghi sổ kế toán	
	31/12/2014	01/01/2014
Nợ phải trả tài chính	VND	VND
Vay và nợ	38.800.000.000	34.712.353.100
Phải trả người bán, phải trả khác	13.566.265.618	12.808.118.177
Chi phí phải trả	432.032.931	211.682.227
Cộng	52.798.298.549	47.732.153.504

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn trong chương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Tại ngày 31/12/2014	VND	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.812.514.731	-	-	4.812.514.731
Phải thu khách hàng, phải thu khác	9.836.631.834	-	-	9.836.631.834
Đầu tư dài hạn	-	1.195.800.000	-	1.195.800.000
Cộng	14.649.146.565	1.195.800.000	-	15.844.946.565

Tại ngày 01/01/2014

Tiền và các khoản tương đương tiền	942.465.909	-	-	942.465.909
Phải thu khách hàng, phải thu khác	4.340.382.140	-	-	4.340.382.140
Đầu tư dài hạn	-	1.329.800.000	-	1.329.800.000
	5.282.848.049	1.329.800.000	-	6.612.648.049

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau. Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2014				
Vay và nợ	27.900.000.000	10.900.000.000	-	38.800.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	12.297.383.020	1.268.882.598	-	13.566.265.618
Chi phí phải trả	432.032.931	-	-	432.032.931
Cộng	40.629.415.951	12.168.882.598	-	52.798.298.549

Tại ngày 01/01/2014

Vay và nợ	23.574.950.000	11.137.403.100	-	34.712.353.100
Phải trả người bán, phải trả khác	11.527.735.579	1.280.382.598	-	12.808.118.177
Chi phí phải trả	211.682.227	-	-	211.682.227
Cộng	35.314.367.806	12.417.785.698	-	47.732.153.504

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

33. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Ngày 14/1/2015 theo biên bản họp hội đồng quản trị số 01/2015/BBH-HĐQT, Công ty đã giải thể chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch Golf Việt Nam tại Đà Lạt. Đồng thời, nhằm nhất quán tên gọi các chi nhánh và Công ty con trong cùng hệ thống khi công ty mẹ đã đổi tên, Công ty đã tiến hành đổi tên các Công ty con, chi nhánh từ thương hiệu VinaGolf sang Thành Thành Công. Cụ thể:

- Thay đổi tên chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch Golf Việt Nam tại thành phố Cần Thơ thành Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công tại thành phố Cần Thơ.
- Thay đổi tên chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch Golf Việt Nam tại Quảng Nam thành Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công tại Quảng Nam.
- Thay đổi tên Công ty TNHH MTV Vinagolf Quảng Nam thành Công ty TNHH MTV Thành Thành Công Quảng Nam.
- Thay đổi tên Công ty TNHH MTV Vinagolf Đà Lạt thành Công ty TNHH MTV Thành Thành Công Đà Lạt.

Ngoài ra, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

34. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Hoạt động của Công ty trong kỳ chủ yếu là hoạt động kinh doanh khách sạn và được thực hiện chủ yếu trong lãnh thổ Việt Nam, do đó Công ty không lập Báo cáo Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

35. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm Công ty đã có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Năm 2014	Năm 2013
		VND	VND
Vay vốn			
Tạ Thị Phương Trang	Cổ đông lớn	4.000.000.000	-

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

	Mối quan hệ	31/12/2014	01/01/2014
		VND	VND
Phải trả			
Tạ Thị Phương Trang	Cổ đông lớn	4.000.000.000	-

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và HĐQT	437.152.174	473.000.000

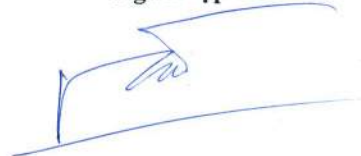
36. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Trong năm 2014, Cơ quan Thuế Quảng Nam đã thực hiện thanh tra thuế năm 2012, năm 2013 tại Công ty TNHH MTV VinaGolf Quảng Nam. Công ty đã thực hiện điều chỉnh hồi tố thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong các năm trước theo quyết định của thanh tra là 208.839.144 đồng. Số liệu điều chỉnh hồi tố cụ thể như sau:

	Mã số	Phân loại lại	Đã trình bày trên báo cáo năm
		VND	VND
a/ Bảng cân đối kế toán			
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	938.244.090	729.404.946
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	1.932.904.677	2.141.743.821

Người lập biểu



Trần Văn An

Kế toán trưởng



Trần Văn An

Lập, ngày 28 tháng 03 năm 2015

Tổng Giám đốc



Hồ Kiên Cường